

Số: 06/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, điểm h khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 219, Điều 271, khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Căn cứ điểm c khoản 2; khoản 4 Điều 6; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: *Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn do bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017; điểm h khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.*

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 25/2026/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" giữa:

- Nguyên đơn: chị Nghiêm Thị T.

Nơi thường trú: thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện tại: 157 L, phường G, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: anh Hoàng Thanh T1.

Nơi cư trú: thôn Q, xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: trả lại cho chị Nghiêm Thị T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002425, ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được

quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 6 – QN;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 6 - QN;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Nga

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).
- (3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).
- (4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).
- (9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).
- (10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).